TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **157**/2018/DS-PT
Ngày: 30/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Biện Thị Hoa**

2. Bà **Nguyễn Thu Chinh**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mộng Linh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 01 năm 2018, ngày 29 tháng 01 năm 2018 và ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 574/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 970/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3102/2017/QĐPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP D**

Địa chỉ: 130 đường PDL, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lương Thị Mai S** (Văn bản ủy quyền số 61-17/QĐ-PNN năm 2017)

Địa chỉ liên lạc: 139 NVT, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn*: Ông **Võ Đình B**

Địa chỉ: 43/14 THT, phường M, quận P, Tp. Hồ Chí Minh

(Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2016 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP D trình bày: Ông Võ Đình B đã ký với Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh Phú Nhuận hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 39/TC34/2012 ngày 30/5/2012; Tổng hạn mức cấp tín dụng: 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất vay: 1,7%/tháng; biện pháp bảo đảm: tín chấp. Ngân hàng thực hiện việc phong tỏa 14.705 cổ phiếu, bản chính chứng nhận cổ đông do Ông B trực tiếp lưu giữ. Do ông Võ Đình B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 31/5/2013, Ngân hàng D đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 22/9/2017, Ông B đã trả cho ngân hàng 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 25/9/2017, ông Võ Đình B còn nợ các khoản gồm: nợ gốc là 49.567.940 đồng, nợ lãi quá hạn là 129.240.299 đồng (52 tháng, tính từ ngày 31/5/2013 đến 25/9/2017), phí thường niên là 200.000 đồng. Tổng cộng là 179.008.240 đồng. Nay Ngân hàng D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Đình B phải trả một lần số nợ trên trong thời hạn một tháng kể từ ngày xét xử; ngay sau khi Ông B thanh toán hết số nợ, Ngân hàng D sẽ hoàn trả số cổ phiếu của Ông B đang bị phong tỏa tại ngân hàng.

Bị đơn- ông Võ Đình B trình bày: Ông B có sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ của ngân hàng D theo hợp đồng số 39/TC34/2012 ngày 30/5/2012 , tài khoản số 0102707971, hạn mức cấp 100.000.000 đồng. Ông B có thế chấp 14.705 cổ phiếu do Ngân hàng D phát hành, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu . Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bản chính, Ông B lưu giữ. Trong hợp đồng, có điều khoản thoả thuận là đến thời hạn trả nợ nếu ông không có khả năng thanh toán thì ngân hàng được quyền thanh lý số cổ phiếu của ông để thu nợ. Số tiền này đủ để Ngân hàng thu hồi nợ nhưng Ngân hàng không thực hiện quyền xử lý cổ phiếu hiện có của ông để thu nợ theo thỏa thuận. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông yêu cầu Ngân hàng xem xét lại giá trị cổ phiếu để trừ vào khoản nợ của ông và giảm tiền lãi từ năm 2013 cho đến nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:970/2016/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP D. Buộc ông Võ Đình B trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 39/TC34/2012 ngày 30/5/2012; trong đó, nợ gốc là 49.567.940 (Bốn mươi chín triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi) đồng, lãi quá hạn: 35.391.509 (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm lẻ chín) đồng; tổng cộng: 84.959.449 (Tám mươi bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi chín) đồng. Trả trong một lần trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Ngân hàng TMCP D có trách nhiệm giải tỏa 14.705 cổ phiếu của ông Võ Đình B đang bị phong tỏa tại ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Đình B được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP D phải chịu án phí 4.702.440 (Bốn triệu bảy trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.070.649 (Năm triệu bảy mươi nghìn sáu trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08067 ngày 28/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, thành phố Hồ Chí Minh; được hoàn trả 368.209 (Ba trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ chín) đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo luật định.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017 nguyên đơn - Ngân hàng D kháng cáo bản án sơ thẩm số 970/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không bổ sung chứng cứ.

Bị đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm và không bổ sung chứng cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả số tiền lãi tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm.

Hủy một phần bản án sơ thẩm về việc buộc Ngân hàng D có trách nhiệm giải tỏa 14.705 cổ phiếu của ông Võ Đình B đang bị phong tỏa tại ngân hàng do vượt quá yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của Nguyên đơn - Ngân hàng D còn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và phần trình bày của các đương sự tại Tòa thì có cơ sở xác định Ngân hàng D khởi kiện ông Võ Đình B để tranh chấp hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ. Đôi bên xác lập giao dịch chỉ có bên ngân hàng có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ngoài ra do đối tượng tranh chấp là Hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ nhưng Tòa án nhân dân quận P xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng là không chính xác nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ mới đúng.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về số nợ gốc: Xét thấy trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tròa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc hai bên có xác lập hợp đồng số 39/TC34/2012 ngày 30/5/2012 về việc sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ, tài khoản số 0102707971, hạn mức cấp 100.000.000 đồng và bị đơn còn nợ tiền gốc từ tài khoản thấu chi trên số tiền 49.567.940 đồng tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm vào ngày 26/9/2017 là đúng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc đòi Ông B trả tiền nợ gốc trả một lần trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng.

[2.2] Về tiền lãi và lãi quá hạn: các bên thừa nhận tiền lãi Ông B chưa thanh toán từ ngày 31/5/2013. Tuy nhiên Bị đơn trình bày cho rằng hợp đồng này có thế chấp tài sản là cổ phiếu của Ngân hàng D do bị đơn sở hữu. Xét : căn cứ vào hợp đồng dịch vụ thấu chi thẻ các bên đã ký kết, thì tại Điều 3 mục II về hình thức đảm bảo thấu chi được thể hiện là tín chấp. Mặt khác việc xử lý cổ phiếu chỉ là quá trình thương lượng xử lý nợ thể hiện qua các biên bản làm việc giữa ngân hàng và Ông B. Các nội

dung biên bản này cũng không thể hiện đã thỏa thuận thế chấp cổ phiếu và xử lý cổ phiếu để trừ nợ nên không có cơ sở xác định các bên đã có thỏa thuận về thế chấp cổ phiếu. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận trình bày của Ông B cho rằng hợp đồng có tài sản thế chấp cũng như đề nghị của Ông B về việc xử lý cổ phiếu để trừ vào khoản nợ thấu chi. Như vậy căn cứ vào bản tính lãi quá hạn do Ngân hàng D cung cấp thì tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm, khoản tiền lãi quá hạn mà Ông B còn nợ ngân hàng phát sinh từ ngày 30/5/2013 đến ngày 26/9/2017 là 129.240.299 đồng. Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng, cả hai bên đều có những việc bất cập trong việc xử lý nợ nên chỉ chấp nhận tính lãi quá hạn từ ngày xảy ra vi phạm hợp đồng (ngày 31/5/2013) đến thời điểm ngày 14/8/2015 là thời điểm Ngân hàng D có thông báo số 83/TB-HĐQT-DAB thông báo về việc cổ phiếu, cổ phần của Ngân hàng D thuộc diện bị kiểm soát đặc biệt là không có cơ sở, trái với hợp đồng do các bên thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán tiền lãi. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi số tiền 129.240.299 đồng lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm và Ông B phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Buộc bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh như viện dẫn nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Về quyết định của Bản án sơ thẩm buộc Ngân hàng D giải tỏa 14.705 cổ phiếu của Ông B đang bị phong tỏa tại ngân hàng ngay sau khi Ông B thanh toán hết nợ. Xét: trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Ông B xác định không có yêu cầu hoặc đơn yêu cầu buộc Ngân hàng D giải tỏa số cổ phiếu của Ông B đang bị phong tỏa tại ngân hàng. Tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự thì "Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó". Như vậy việc Bản án sơ thẩm nhận định và tuyên buộc Ngân hàng D giải tỏa số cổ phiếu của Ông B đang bị phong tỏa tại Ngân hàng D là vượt quá phạm vi đơn yêu cầu nên căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ xét xử phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí;

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Bản án sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xác định bị đơn - ông Võ Đình B được miễn nộp tiền án phí do Ông B là người cao

tuổi, không có thu nhập để miễn nộp án phí sơ thẩm cho Ông B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP D. Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D: Buộc ông Võ Đình B trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 39/TC34/2012 ngày 30/5/2012 cụ thể: nợ gốc là 49.567.940 (Bốn mươi chín triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi) đồng, nợ lãi quá hạn là 129.240.299 (Một trăm hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn hai trăm chín mươi chín) đồng. Tổng cộng là 178.808.239 (Một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm lẻ tám ngàn hai trăm ba mươi chín) đồng. Trả một lần trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Hủy và đình chỉ xét xử phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc Ngân hàng TMCP D có trách nhiệm giải tỏa 14.705 cổ phiếu của ông Võ Đình B đang bị phong tỏa tại ngân hàng.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Đình B được miễn nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.070.649 (Năm triệu không trăm bảy mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/08067 ngày 28/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP D tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2012/08917 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận P;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thanh Thủy